

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-5-2018.

V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng giữa ông V và bà M.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số : 38/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2018, về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 230/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 297/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ V, sinh năm 1970, nơi cư trú: ấp H, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp H, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2018 nguyên đơn ông Hồ V trình bày: Ông và bà Đặng Thị M sau thời gian tìm hiểu rồi sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới, ông cùng bà M chung sống được một thời gian đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì không đồng quan điểm với nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà M bỏ đi sống riêng và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên ông V yêu cầu giải quyết không công nhận hôn nhân giữa ông và bà M, vì không có đăng ký kết hôn. Ông V và bà M chung sống

với nhau có 01 người con chung tên là Hồ N, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2001, ông V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, vì khi ly thân đến nay cháu N sống với ông V.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Hồ V và bà Đặng Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, nên ông V có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà M.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Theo chứng cứ do ông V cung cấp, ông V và M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc ông V và bà M sống ly thân từ năm 2008 đến nay, nên xét thấy việc ông V yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông và M là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông V và bà M chung sống với nhau có 01 người con chung tên là Hồ N, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2001. Ông V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi ly thân với nhau cháu N là do ông V nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2017, khi được hỏi ý kiến thì cháu N cũng có nguyện vọng sống với ông V, ông V thì cũng có yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, bà M thì được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết vụ án, nên để cháu N cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, đúng với quy định tại Điều 15, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng, do ông V và cháu N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Đối với bà M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, ông V thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[6] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu tiền án phí, nên ông V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hồ V, sinh năm 1970 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1972.
- Về con chung: Giao cháu Hồ N, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2001 cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Hồ V phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003625 ngày 29/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Hồ V và bà Đặng Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng